PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 50/2015/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2015*

THÔNG TƯ

Quy định về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, quản lý quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, quản lý quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại, bao gồm: Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp, thương mại cả nước, Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại vùng (vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, tuyến hành lang, vành đai kinh tế); Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Thông tư này không áp dụng đối với quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo, quy hoạch khu, cụm công nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, quản lý quy hoạch phát triển ngành công nghiệp, thương mại do Bộ Công Thương hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) quản lý.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị chủ trì lập quy hoạch*: là các cơ quan/đơn vị được Bộ Công Thương hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì lập quy hoạch, theo dõi thực hiện quy hoạch theo ngành, lĩnh vực.

2. *Đơn vị tổ chức thẩm định quy hoạch*: Là cơ quan/đơn vị thuộc cơ quan tổ chức lập quy hoạch được giao nhiệm vụ tổ chức thẩm định quy hoạch.

3. Tư vấn lập quy hoạch: là tổ chức tư vấn có tư cách pháp nhân, có chức năng tư vấn lập quy hoạch, hội ngành nghề hoặc chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm lập quy hoạch phù hợp với tính chất của dự án quy hoạch.

Điều 4. Các loại quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại

1. Các loại quy hoạch phát triển ngành công nghiệp bao gồm:

- Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp;

- Quy hoạch phát triển các ngành sản xuất công nghiệp cụ thể;

- Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến các loại khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng);

2. Các loại quy hoạch phát triển ngành thương mại bao gồm:

- Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thương mại;

- Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại: hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm hội chợ triển lãm, trung tâm thông tin, trung tâm logistics, hệ thống kho hàng hóa, hệ thống dự trữ và phân phối xăng dầu, hệ thống phân phối khí, hệ thống kinh doanh rượu, bia, hệ thống kinh doanh thuốc lá và các loại hình kinh doanh có điều kiện khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 5. Giai đoạn quy hoạch

Tùy theo loại hình, quy mô mà giai đoạn quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại được lập cho thời gian tối thiểu 10 năm và tầm nhìn tối thiểu từ 5 - 10 năm tiếp theo.

Điều 6. Trách nhiệm lập quy hoạch

1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm lập các quy hoạch phát triển ngành công nghiệp, thương mại, hệ thống hạ tầng thương mại cả nước, vùng, hệ thống đường ống xăng dầu, đường ống dẫn khí, kho xăng dầu, kho khí có quy mô từ 5.000 m^3 trở lên, hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu dọc tuyến quốc lộ qua địa bàn hai tỉnh trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm lập quy hoạch ngành công nghiệp và thương mại tỉnh, hạ tầng thương mại do tỉnh quản lý, kho xăng dầu có quy mô dưới 5.000m^3, hệ thống cửa hàng xăng dầu thuộc địa bàn tỉnh quản lý, hệ thống kinh doanh khí (kho có quy mô dưới 5.000m^3, trạm triết nạp, hệ thống cửa hàng kinh doanh thuộc địa bàn tỉnh quản lý).

Điều 7. Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch

1. Việc lựa chọn tư vấn lập quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Tư vấn lập quy hoạch chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng và tiến độ thực hiện dự án quy hoạch theo Hợp đồng đã ký với cơ quan lập quy hoạch.

3. Đơn vị chủ trì lập quy hoạch có trách nhiệm phối hợp với tư vấn lập quy hoạch trong quá trình lập quy hoạch, đảm bảo tuân thủ đề cương, nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt và chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung của dự án quy hoạch.

Chương II
NỘI DUNG QUY HOẠCH

Điều 8. Nội dung quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp và quy hoạch phát triển các ngành sản xuất công nghiệp

Quy hoạch phát triển các ngành sản xuất công nghiệp phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển ngành. Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp và quy hoạch phát triển các ngành sản xuất công nghiệp gồm các nội dung chính sau đây:

1. Sự cần thiết; mục đích; yêu cầu; cơ sở pháp lý; căn cứ lập quy hoạch; đối tượng, phạm vi quy hoạch;

2. Điều kiện kinh tế, xã hội, điều kiện tự nhiên để phát triển ngành;

3. Thực trạng phát triển ngành;

4. Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch giai đoạn trước (nếu có);

5. Phân tích, dự báo xu hướng phát triển; dự báo các yếu tố trong và ngoài nước ảnh hưởng đến phát triển ngành;

6. Quy hoạch phát triển bao gồm hệ thống quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển; luận chứng các phương án quy hoạch, luận chứng chọn phương án tối ưu đảm bảo thực hiện mục tiêu quy hoạch; quy hoạch theo phương án lựa chọn;

7. Phương án quy hoạch được thể hiện trên bản đồ;

8. Luận chứng danh mục các chương trình, dự án đầu tư chủ yếu;

9. Nhu cầu vốn đầu tư, dự kiến cơ cấu nguồn vốn cho các chương trình, dự án chủ yếu;

10. Nhu cầu sử dụng đất, mặt nước (nếu có);

11. Đánh giá môi trường chiến lược/các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

12. Các giải pháp thực hiện quy hoạch;

13. Tổ chức thực hiện.

Điều 9. Nội dung Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến các loại khoáng sản

Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến các loại khoáng sản gồm các nội dung chính sau đây:

1. Sự cần thiết; Mục đích; Yêu cầu; cơ sở pháp lý; căn cứ lập quy hoạch; đối tượng, phạm vi quy hoạch;

2. Điều tra, nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá tình hình thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản trong khu vực hoạt động khoáng sản;

3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước;

4. Xác định nhu cầu sử dụng khoáng sản và khả năng đáp ứng nhu cầu trong kỳ quy hoạch;

5. Xác định quan điểm, định hướng, mục tiêu thăm dò, khai thác khoáng sản trong kỳ quy hoạch;

6. Xây dựng các phương án phát triển;

7. Xây dựng các khu vực thăm dò, trong đó thể hiện cả khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ. Khu vực thăm dò được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối khép góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp;

8. Khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại khoáng sản cần đầu tư khai thác và tiến độ khai thác. Khu vực khai thác khoáng sản được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp;

9. Xác định quy mô, công suất khai thác, yêu cầu về công nghệ khai thác;

10. Luận chứng xây dựng danh mục các chương trình, dự án đầu tư chủ yếu;

11. Nhu cầu vốn đầu tư, dự kiến cơ cấu nguồn vốn;

12. Nhu cầu sử dụng đất;

13. Đánh giá môi trường chiến lược theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

14. Các giải pháp thực hiện quy hoạch;

15. Tổ chức thực hiện.

Điều 10. Nội dung Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thương mại

Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thương mại gồm các nội dung chính sau đây:

1. Sự cần thiết; mục đích; yêu cầu; cơ sở pháp lý; căn cứ lập quy hoạch; đối tượng, phạm vi quy hoạch;

2. Điều kiện kinh tế, xã hội, điều kiện tự nhiên để phát triển thương mại;

3. Thực trạng phát triển ngành thương mại, hệ thống hạ tầng thương mại;

4. Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch giai đoạn trước (nếu có);

5. Phân tích, dự báo xu hướng phát triển thương mại;

6. Quy hoạch phát triển (bao gồm hệ thống quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển; luận chứng các phương án quy hoạch, luận chứng lựa chọn phương án tối ưu đảm bảo thực hiện mục tiêu quy hoạch; quy hoạch theo phương án lựa chọn);

7. Phương án quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng thương mại được thể hiện trên bản đồ quy hoạch;

8. Luận chứng lựa chọn các chương trình, dự án đầu tư chủ yếu; Danh mục chương trình, dự án ưu tiên đầu tư;

9. Nhu cầu vốn đầu tư, dự kiến cơ cấu nguồn vốn cho các chương trình, dự án đầu tư chủ yếu;

10. Nhu cầu sử dụng đất, mặt nước (nếu có) phát triển hệ thống hạ tầng thương mại;

11. Đánh giá môi trường chiến lược/các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

12. Các giải pháp thực hiện quy hoạch;

13. Tổ chức thực hiện.

Điều 11. Nội dung quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng thương mại

Quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại gồm các nội dung chính sau đây:

1. Sự cần thiết; mục đích; yêu cầu; cơ sở pháp lý; căn cứ lập quy hoạch; đối tượng, phạm vi quy hoạch;

2. Thực trạng phát triển thương mại;

3. Thực trạng phát triển hệ thống hạ tầng thương mại (loại hình, quy mô, phân bố); khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng thương mại đối với phát triển kinh tế xã hội, phát triển thương mại; thực trạng quản lý nhà nước về hạ tầng thương mại);

4. Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch giai đoạn trước (nếu có) hoặc tình hình thực hiện các quy hoạch có liên quan;

5. Phân tích, dự báo xu hướng phát triển;

6. Quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng thương mại (bao gồm hệ thống quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển; luận chứng các phương án quy hoạch, luận chứng lựa chọn phương án tối ưu đảm bảo thực hiện mục tiêu quy hoạch; quy hoạch theo phương án lựa chọn);

7. Phương án quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng thương mại được thể hiện trên bản đồ quy hoạch;

8. Luận chứng danh mục chương trình, dự án ưu tiên đầu tư chủ yếu;

9. Nhu cầu vốn đầu tư, dự kiến cơ cấu nguồn cho các chương trình, dự án đầu tư chủ yếu;

10. Nhu cầu sử dụng đất, mặt nước (nếu có) phát triển hệ thống hạ tầng thương mại;

11. Đánh giá môi trường chiến lược/các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

12. Các giải pháp thực hiện quy hoạch;

13. Tổ chức thực hiện.

Chương III
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH LẬP QUY HOẠCH

Điều 12. Lập danh mục và đăng ký kinh phí lập quy hoạch hàng năm

1. Đối với các quy hoạch do Bộ Công Thương lập, quản lý:

a) Năm năm và hàng năm, căn cứ theo yêu cầu thực tế quản lý quy hoạch, chức năng, nhiệm vụ của mình và các nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Công Thương, các đơn vị gửi Vụ Kế hoạch đăng ký kế hoạch xây dựng quy hoạch năm năm, hàng năm;

b) Vụ Kế hoạch có trách nhiệm tổng hợp thành Kế hoạch lập quy hoạch năm năm và hàng năm (bao gồm cả lập mới và điều chỉnh) trình Bộ trưởng Bộ Công Thương để gửi Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, cân đối ngân sách theo quy định pháp luật.

2. Đối với các quy hoạch do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, quản lý

Năm năm, hàng năm, theo tiến độ xây dựng kế hoạch của tỉnh, Sở Công Thương xây dựng kế hoạch lập quy hoạch ngành công thương năm năm và hàng năm của tỉnh gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để xem xét, cân đối ngân sách theo quy định hiện hành trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 13. Lựa chọn danh mục quy hoạch và giao nhiệm vụ

1. Đối với các quy hoạch do Bộ Công Thương lập, quản lý

Trên cơ sở kinh phí nhà nước giao, Vụ Kế hoạch cân đối nhiệm vụ lập quy hoạch, lựa chọn danh mục các quy hoạch cần xây dựng trong năm theo mức độ ưu tiên báo cáo Lãnh đạo Bộ phê duyệt và giao nhiệm vụ cho cơ quan chủ trì tổ chức triển khai.

2. Đối với các quy hoạch do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, quản lý

Trên cơ sở kinh phí được giao, Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nhiệm vụ lập quy hoạch, lựa chọn danh mục các quy hoạch cần xây dựng trong năm theo mức độ ưu tiên, giao nhiệm vụ cho cơ quan chủ trì tổ chức triển khai theo tiến độ đã đăng ký.

Chương IV
TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH

Mục 1
ĐỀ CƯƠNG, DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH

Điều 14. Căn cứ lập Đề cương, Dự toán kinh phí nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Các văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết, quyết định về chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân liên quan đến Vùng, địa phương, ngành, lĩnh vực cần lập quy hoạch; Các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ quản lý ngành đặt ra yêu cầu phải lập quy hoạch.

2. Các quy hoạch liên quan còn hiệu lực thi hành.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật về kinh phí cho công tác quy hoạch và quy định về quản lý tài chính có liên quan.

Điều 15. Đề cương và dự toán kinh phí

1. Đơn vị chủ trì lập quy hoạch có trách nhiệm xây dựng đề cương, dự toán kinh phí và trình phê duyệt theo quy định.

2. Đề cương quy hoạch gồm các nội dung chính sau:

a) Cơ sở pháp lý lập quy hoạch;

b) Sự cần thiết;

c) Mục tiêu, yêu cầu, đối tượng, phạm vi Quy hoạch;

d) Phương pháp nghiên cứu (nêu rõ phương pháp, cách thức thực hiện các nội dung quy hoạch theo quy định tại Thông tư này);

đ) Mô tả chi tiết các nội dung quy hoạch theo quy định;

e) Nguồn lực thực hiện;

f) Các yêu cầu về hồ sơ sản phẩm;

g) Yêu cầu về tiến độ thực hiện phù hợp với các nội dung đề xuất;

3. Dự toán kinh phí đối với dự án quy hoạch được lập theo quy định tại các văn bản hướng dẫn về kinh phí cho công tác quy hoạch và các quy định hiện hành về quản lý tài chính có liên quan.

Điều 16. Thẩm định đề cương và dự toán kinh phí

1. Đối với các quy hoạch ngành công thương thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, việc thẩm định đề cương, dự toán kinh phí thực hiện theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định.

Số lượng, thành phần của Hội đồng thẩm định đề cương và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định trên cơ sở đề nghị của đơn vị chủ trì lập quy hoạch. Thành phần Hội đồng thẩm định phải có đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ Công Thương có liên quan.

Điều kiện tiến hành phiên họp, việc biểu quyết đánh giá của Hội đồng thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí được áp dụng tương ứng đối với Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch quy định tại Khoản 2 Điều 27 và Điều 28 Thông tư này.

2. Đối với các quy hoạch ngành công thương thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Công Thương, việc thẩm định đề cương và dự toán kinh phí được thực hiện theo hình thức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan có liên quan, trong đó phải có ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ Công Thương có liên quan.

3. Đối với các quy hoạch ngành công thương thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, việc thẩm định đề cương, dự toán kinh phí được thực hiện theo hình thức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan có liên quan, trong đó phải có ý kiến của ý kiến của Bộ Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan.

4. Kết quả thẩm định đề cương và dự toán kinh phí được lập thành văn bản, bao gồm một số nội dung chủ yếu sau:

a) Căn cứ pháp lý lập quy hoạch;

b) Sự cần thiết, mục đích, vai trò của quy hoạch;

c) Đánh giá sự phù hợp về nội dung của đề cương, dự toán kinh phí và nguồn vốn lập quy hoạch với mục đích, yêu cầu của dự án quy hoạch;

d) Kết luận của Hội đồng thẩm định (đối với trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định) hoặc kiến nghị của đơn vị tổ chức thẩm định (đối với trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản).

Điều 17. Phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí đối với các dự án quy hoạch do Bộ tổ chức lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí đối với các dự án quy hoạch do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.

2. Đơn vị chủ trì lập quy hoạch có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí.

Hồ sơ trình phê duyệt bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt;

b) Báo cáo kết quả thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư này;

c) Đề cương và dự toán kinh phí đã được hoàn thiện theo kết luận báo cáo kết quả thẩm định;

d) Dự thảo Quyết định phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí theo mẫu quy định tại Phụ lục 1.

Mục 2
LẬP QUY HOẠCH

Điều 18. Căn cứ lập quy hoạch

1. Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí đã được phê duyệt.

2. Các căn cứ lập quy hoạch:

a) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước;

b) Các Nghị quyết, Quyết định về chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân có liên quan;

c) Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương (đối với quy hoạch ngành do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập)

c) Các quy hoạch tương ứng giai đoạn trước (nếu có);

d) Các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan;

đ) Quy hoạch xây dựng, Quy hoạch sử dụng đất có liên quan;

e) Hệ thống số liệu thống kê, kết quả điều tra cơ bản, khảo sát và hệ thống số liệu, tài liệu liên quan;

g) Kết quả dự báo về tăng trưởng và tiến bộ khoa học công nghệ trong nước và quốc tế.

Điều 19. Lập quy hoạch

1. Trong quá trình lập quy hoạch phải thực hiện các bước:

a) Điều tra, khảo sát, thu thập, xử lý số liệu, thông tin;

b) Lập Báo cáo chuyên đề;

c) Dự thảo Báo cáo tổng hợp;

d) Tổ chức hội thảo và tổ chức lấy ý kiến;

c) Hoàn chỉnh báo cáo tổng hợp quy hoạch trên cơ sở tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và trình duyệt.

2. Tư vấn lập quy hoạch có trách nhiệm gửi báo cáo chuyên đề, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến và dự thảo báo cáo tổng hợp cho đơn vị chủ trì lập quy hoạch sau khi hoàn thành các bước tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 20. Tổ chức lấy ý kiến dự thảo báo cáo tổng hợp quy hoạch

1. Đơn vị chủ trì lập quy hoạch phải gửi lấy ý kiến tham gia bằng văn bản của các cơ quan liên quan vào dự thảo báo cáo tổng hợp quy hoạch để hoàn thiện trước khi trình thẩm định, cụ thể:

a) Các quy hoạch do Bộ Công Thương tổ chức lập phải lấy ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan; ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan; ý kiến của Vụ Kế hoạch và các đơn vị thuộc Bộ Công Thương có liên quan;

b) Các quy hoạch ngành công thương do địa phương tổ chức lập phải lấy ý kiến của Bộ Công Thương, các Sở, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan trong tỉnh.

2. Ngoài ra, có thể lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác (các doanh nghiệp, hiệu hội doanh nghiệp) để hoàn thiện dự thảo báo cáo tổng hợp quy hoạch.

Điều 21. Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của dự án quy hoạch

1. Đối với những dự án quy hoạch phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định, đơn vị chủ trì lập quy hoạch chịu trách nhiệm lập hoặc thuê tư vấn lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược trong quá trình lập quy hoạch.

2. Việc thuê tư vấn, lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chương V
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH

Mục 1
THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH

Điều 22. Thẩm quyền thẩm định quy hoạch

Bộ Công Thương thẩm định dự án quy hoạch do Bộ Công Thương tổ chức lập.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định dự án do địa phương lập tổ chức lập.

Điều 23. Hội đồng thẩm định

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập Hội đồng thẩm định các dự án quy hoạch do Bộ Công Thương lập. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định các dự án quy hoạch do UBND lập.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định:

- Đối với các dự án quy hoạch do Bộ Công Thương tổ chức lập, Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Bộ Công Thương, Phó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Đơn vị chủ trì lập quy hoạch; thành viên Hội đồng gồm: tối thiểu 02 ủy viên phản biện là chuyên gia trong lĩnh vực liên quan và có kinh nghiệm trong công tác quy hoạch; đại diện các bộ, ngành, đại diện Vụ Kế hoạch và các đơn vị thuộc Bộ Công Thương có liên quan.

- Đối với các dự án quy hoạch cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, 02 Phó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và Lãnh đạo Sở Công Thương; thành viên Hội đồng thẩm định gồm: tối thiểu 02 ủy viên phản biện là chuyên gia trong lĩnh vực liên quan và có kinh nghiệm trong công tác quy hoạch; đại diện các sở, ngành và các đơn vị có liên quan.

2. Hội đồng thẩm định tổ chức họp thẩm định dự án quy hoạch và chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng Cơ quan tổ chức lập quy hoạch về các kết luận thẩm định.

3. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan lập quy hoạch có thể thuê các tổ chức tư vấn, cá nhân có năng lực thẩm định các dự án quy hoạch trước khi đưa ra Hội đồng thẩm định.

Điều 24. Tổ chức thẩm định quy hoạch

Đơn vị tổ chức thẩm định có trách nhiệm:

1. Tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ trình thẩm định. Trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị tổ chức thẩm định quy hoạch có thông báo bằng văn bản cho đơn vị tư vấn lập quy hoạch (nếu có).

2. Đề xuất số lượng, cơ cấu của Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch và dự thảo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định (theo mẫu quy định tại Phụ lục 2), trình Thủ trưởng Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xem xét, quyết định.

3. Xây dựng, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định thông qua kế hoạch tổ chức thẩm định.

4. Gửi hồ sơ tới các thành viên Hội đồng thẩm định ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định.

5. Tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định.

6. Dự thảo Báo cáo thẩm định.

7. Hướng dẫn đơn vị tư vấn lập quy hoạch triển khai thực hiện kết luận của Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định lại (nếu có).

8. Lập Tờ trình phê duyệt quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác thẩm định dự án quy hoạch.

Điều 25. Hồ sơ thẩm định dự án quy hoạch

1. Hồ sơ thẩm định dự án quy hoạch gồm:

a) Tờ trình của đơn vị chủ trì lập quy hoạch về quá trình tổ chức lập quy hoạch, việc tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, các địa phương và các đơn vị liên quan, các nội dung chủ yếu của quy hoạch;

b) Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí;

c) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt quy hoạch (đã hoàn thiện sau khi lấy ý kiến của các cơ quan liên quan) được in trên giấy khổ A4, đóng quyển, trang phụ bìa có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng cơ quan lập quy hoạch và tư vấn lập quy hoạch (nếu có);

d) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch;

đ) Các báo cáo chuyên đề (ghi rõ tên tác giả); các bảng biểu số liệu (ghi rõ nguồn thông tin);

e) Bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch;

g) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo Đánh giá Môi trường Chiến lược (nếu có theo quy định);

h) Các văn bản đóng góp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan (bản sao);

i) Bản tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Số lượng bộ hồ sơ thẩm định quy hoạch theo yêu cầu của đơn vị thẩm định trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng thẩm định.

Điều 26. Họp thẩm định dự án quy hoạch

1. Điều kiện tiến hành họp thẩm định dự án quy hoạch:

a) Có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định (được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền), một (01) Ủy viên phản biện;

b) Có đại diện của tư vấn lập quy hoạch (nếu có).

3. Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định việc mời đại biểu không phải là thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định dự án quy hoạch. Đại biểu được tham gia ý kiến tại cuộc họp nhưng không được tham gia biểu quyết.

4. Chương trình họp thẩm định dự án quy hoạch thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.

Điều 27. Biểu quyết đánh giá dự án quy hoạch của Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định biểu quyết đánh giá dự án quy hoạch bằng Phiếu đánh giá của thành viên Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch (theo mẫu tại Phụ lục 4).

2. Dự án quy hoạch được thông qua khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự cuộc họp thẩm định (nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định) bỏ phiếu đồng ý thông qua hoặc đồng ý thông qua với điều kiện có chỉnh sửa, bổ sung.

Điều 28. Xử lý đối với dự án quy hoạch sau phiên họp thẩm định

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp thẩm định dự án quy hoạch, đơn vị tổ chức thẩm định gửi văn bản kết luận của Hội đồng thẩm định cho tư vấn lập quy hoạch thực hiện một số nội dung sau:

1. Trường hợp dự án quy hoạch được thông qua không có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, đơn vị tổ chức thẩm định quy hoạch chuẩn bị hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch.

2. Trường hợp dự án quy hoạch được thông qua phải chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của Hội đồng thẩm định:

a) Tư vấn có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của Hội đồng thẩm định, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định;

b) Đơn vị tổ chức thẩm định quy hoạch có trách nhiệm: Tiếp nhận hồ sơ dự án quy hoạch đã chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình về việc tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định và gửi xin ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định (nếu Hội đồng thẩm định yêu cầu); Nghiên cứu hồ sơ, tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định (nếu có) và lập báo cáo trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định.

Trong trường hợp dự án quy hoạch chưa đáp ứng được yêu cầu, đơn vị chủ trì lập quy hoạch có văn bản yêu cầu đơn vị tư vấn lập quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ dự án quy hoạch.

3. Trường hợp dự án quy hoạch không được thông qua, đơn vị tư vấn lập quy hoạch có trách nhiệm:

- Nghiên cứu xây dựng lại quy hoạch;

- Chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình xây dựng lại và thẩm định lại dự án quy hoạch.

Điều 29. Báo cáo thẩm định dự án quy hoạch

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án quy hoạch đã hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, đơn vị tổ chức thẩm định quy hoạch lập Báo cáo thẩm định với những nội dung chính quy định tại Phụ lục 5 và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch phê duyệt.

Mục 2
PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH

Điều 30. Trình, phê duyệt quy hoạch

1. Trách nhiệm trình phê duyệt quy hoạch:

a) Quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Công Thương trình phê duyệt;

b) Quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Công Thương do đơn vị chủ trì lập quy hoạch thuộc Bộ trình phê duyệt;

c) Quy hoạch ngành công thương cấp tỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư trình phê duyệt.

2. Hồ sơ trình phê duyệt dự án quy hoạch gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;

b) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt quy hoạch đã được hoàn thiện, được in trên giấy khổ A4, đóng quyển, trang phụ bìa có chữ ký và con dấu của Thủ trưởng Cơ quan lập quy hoạch và tổ chức tư vấn lập quy hoạch (nếu có);

c) Hệ thống bản đồ, sơ đồ theo quy định;

d) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo Đánh giá Môi trường Chiến lược (nếu có);

đ) Báo cáo thẩm định dự án quy hoạch;

e) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch (theo mẫu tại Phụ lục 6).

Chương VI
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY HOẠCH

Điều 31. Các hình thức điều chỉnh, bổ sung quy hoạch

1. Điều chỉnh toàn diện quy hoạch:

a) Điều chỉnh toàn diện quy hoạch được tiến hành khi mục tiêu và phương hướng phát triển thay đổi. Thời hạn xem xét điều chỉnh toàn diện quy hoạch định kỳ năm (05) năm một lần, trừ trường hợp đặc biệt phải điều chỉnh quy hoạch theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch;

b) Điều chỉnh toàn diện quy hoạch phải bảo đảm đáp ứng được yêu cầu thực tế, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội và tính liên kết, đồng bộ với các quy hoạch có liên quan; bảo đảm tính kế thừa, không ảnh hưởng lớn đến các dự án đầu tư phát triển đang triển khai.

2. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

a) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch được tiến hành khi nội dung dự kiến điều chỉnh không ảnh hưởng đến mục tiêu và phương hướng phát triển, nội dung và phương án tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển đã được phê duyệt;

b) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phải xác định rõ phạm vi, mức độ, nội dung điều chỉnh; bảo đảm tính liên tục, đồng bộ của quy hoạch, tính liên kết với các quy hoạch khác có liên quan, làm rõ các nguyên nhân dẫn đến việc phải điều chỉnh; hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường của việc điều chỉnh; các giải pháp khắc phục những phát sinh do điều chỉnh quy hoạch gây ra.

3. Bổ sung các dự án đầu tư vào quy hoạch

a) Các dự án đầu tư nếu không có trong quy hoạch, hoặc các dự án mở rộng nâng công suất phải làm thủ tục xin bổ sung quy hoạch trước khi tiến hành thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư;

b) Các dự án xin bổ sung quy hoạch cần phải làm rõ sự cần thiết bổ sung quy hoạch, đánh giá ảnh hưởng của dự án đến toán bộ quy hoạch, đến cân đối cung cầu trong quy hoạch, sự phù hợp về về địa điểm, quy mô; công suất; các yêu cầu về kỹ thuật; phương án bảo vệ môi trường, tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và tính sơ bộ hiệu quả dự án đầu tư; các giải pháp thực hiện.

Điều 32. Thực hiện điều chỉnh toàn diện quy hoạch

1. Trình tự điều chỉnh toàn diện dự án quy hoạch được thực hiện như một dự án quy hoạch mới quy định tại Thông tư này.

2. Đơn vị chủ trì lập quy hoạch phải lập báo cáo rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt, làm cơ sở cho việc điều chỉnh quy hoạch.

Điều 33. Thực hiện thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch

1. Đơn vị chủ trì lập quy hoạch gửi hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch để tổ chức lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

2. Hồ sơ xin ý kiến thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch gồm:

a) Văn bản chấp thuận cho phép điều chỉnh quy hoạch;

b) Dự thảo tờ trình phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch;

c) Báo cáo thuyết minh điều chỉnh cục bộ quy hoạch;

d) Hệ thống bản đồ, sơ đồ minh họa việc điều chỉnh quy hoạch.

3. Tổng hợp ý kiến và hoàn chỉnh quy hoạch điều chỉnh cục bộ.

Điều 34. Thực hiện thẩm định bổ sung dự án vào quy hoạch

1. Đơn vị chủ trì lập quy hoạch tổ chức thẩm định hồ sơ bổ sung quy hoạch. Hình thức thẩm định có thể thông qua Hội đồng hoặc có thể bằng cách tổ chức lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan. Thành viên Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan lấy ý kiến phải có Vụ Kế hoạch (đối với các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công Thương) và Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Hồ sơ xin ý kiến thẩm định bổ sung quy hoạch gồm:

a) Văn bản chấp thuận chủ trương bổ sung dự án vào quy hoạch và thỏa thuận về địa điểm xây dựng dự án của địa phương;

b) Báo cáo thuyết minh bổ sung quy hoạch của chủ đầu tư;

c) Hệ thống bản đồ, sơ đồ minh họa (nếu có).

Điều 35. Trình, phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch

1. Thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch

Người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xem xét, quyết định việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ của các quy hoạch tương ứng.

2. Trách nhiệm trình phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch

Trách nhiệm trình phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch được thực hiện tương ứng với trách nhiệm trình phê duyệt quy hoạch quy định tại Khoản 1 Điều 30 Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch;

b) Báo cáo thuyết minh điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được hoàn thiện, được in trên giấy khổ A4, đóng quyển, trang phụ bìa có chữ ký và con dấu của Thủ trưởng Cơ quan trình phê duyệt quy hoạch và tổ chức tư vấn lập quy hoạch (nếu có);

c) Hệ thống bản đồ, sơ đồ minh họa việc điều chỉnh quy hoạch;

d) Giải trình về việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (có bản sao các văn bản đóng góp ý kiến gửi kèm);

đ) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với điều chỉnh dự án quy hoạch ngành cấp tỉnh);

e) Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch (theo mẫu tại Phụ lục 7).

Điều 36. Trình, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án vào quy hoạch

1. Thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án quy hoạch

Người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xem xét, quyết định việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án vào quy hoạch.

2. Trách nhiệm trình phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án vào quy hoạch

Trách nhiệm trình phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án vào quy hoạch được thực hiện tương ứng với trách nhiệm trình phê duyệt quy hoạch quy định tại Khoản 1 Điều 30 Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án vào quy hoạch:

a) Tờ trình đề nghị điều chỉnh, bổ sung dự án vào quy hoạch;

b) Báo cáo thẩm định

d) Giải trình về việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (có bản sao các văn bản đóng góp ý kiến gửi kèm);

e) Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án vào quy hoạch (theo mẫu tại Phụ lục 8).

Chương VII
CÔNG BỐ QUY HOẠCH

Điều 37. Các hình thức công bố quy hoạch

Việc công bố công khai quy hoạch (trừ quy hoạch có nội dung bí mật không được công bố theo quy định của pháp luật) được thực hiện theo một hoặc một số hình thức như sau:

1. Tổ chức hội nghị, hội thảo, họp báo công bố quy hoạch có sự tham gia của đại diện các tổ chức, cơ quan có liên quan, Mặt trận Tổ quốc, đại diện nhân dân trong vùng quy hoạch, các cơ quan thông tấn báo chí.

2. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, báo chí, các website chính thức của các cơ quan quản lý quy hoạch.

3. In ấn dưới hình thức sách hoặc đĩa để phát hành rộng rãi nội dung Quy hoạch và hệ thống các Bản đồ quy hoạch, các quy định về quản lý triển khai quy hoạch (nếu có).

Điều 38. Nội dung công bố quy hoạch

Nội dung công bố, công khai dự án quy hoạch ngành công nghiệp và thương mại, bao gồm:

1. Văn bản quyết định phê duyệt quy hoạch;

2. Các bản đồ quy hoạch;

3. Danh mục các chương trình, dự án đầu tư chủ yếu (tên chương trình, dự án, vị trí xây dựng; quy mô/công suất; dự kiến tiến độ...).

Điều 39. Trách nhiệm công bố quy hoạch

1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm công bố các quy hoạch ngành công nghiệp và thương mại cả nước, vùng và các quy hoạch theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm công bố quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại do tỉnh phê duyệt.

Chương VIII
QUẢN LÝ QUY HOẠCH

Điều 40. Phân cấp quản lý quy hoạch

1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm quản lý nhà nước các quy hoạch phát triển ngành công thương cả nước, vùng lãnh thổ và các quy hoạch theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm quản lý thực hiện quy hoạch phát triển ngành công thương do tỉnh phê duyệt.

Điều 41. Chế độ báo cáo, kiểm tra thực hiện quy hoạch

1. Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương chịu trách nhiệm kiểm tra, lập báo cáo về tình hình thực hiện các quy hoạch được Bộ trưởng giao chủ trì lập, gửi Vụ Kế hoạch tổng hợp báo cáo Bộ trưởng trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

2. Sở Công Thương chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương về tình hình thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

3. Chế độ kiểm tra thực hiện quy hoạch hàng năm tuân thủ theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2016.

2. Thông tư này thay thế Quyết định số 55/2008/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển lĩnh vực công nghiệp và Thông tư số 17/2010/TT-BCT được ngày 05 tháng 5 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thương mại.

3. Thông tư này không áp dụng đối với các dự án quy hoạch đã được phê duyệt đề cương nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí trước ngày Thông tư này có hiệu lực.

4. Những dự án quy hoạch chưa được phê duyệt đề cương nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh về Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Huy Hoàng

Phụ lục 1
MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ
(Kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../QĐ-.....	
	....., ngày... tháng... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án quy hoạch... (2)...

...(3)...

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của.....;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số...../2015/TT-BCT ngày.... tháng.... năm 2015 của Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại;

Căn cứ... (các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ quản lý ngành đặt ra yêu cầu phải lập quy hoạch, văn bản giao nhiệm vụ lập quy hoạch);

Căn cứ kết quả thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của quy hoạch...(2);

Xét đề nghị của...(4),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án quy hoạch với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án quy hoạch:...(2)...

2. Cơ quan/đơn vị chủ trì lập quy hoạch:.....

3. Mục tiêu, yêu cầu của dự án quy hoạch:....

4. Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch.

5. Nhiệm vụ của dự án quy hoạch:

6. Sản phẩm của dự án quy hoạch... (báo cáo tổng hợp, báo cáo chuyên đề, hệ thống bản đồ...).

7. Dự toán kinh phí thực hiện:... (bằng số và chữ).

8. Tiến độ thực hiện:.....

(Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí gửi kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:
-....;
-.....;
- Lưu:

.....(3).....

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch

(2) Tên quy hoạch.

(3) Người có thẩm quyền phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí.

(4) Cơ quan/đơn vị chủ trì lập quy hoạch (trình phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí).

Phụ lục 2
MẪU QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN QUY HOẠCH
(Kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch... (2)...

...(3)...

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của...(1)...

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ Thông tư số..../2015/TT-BCT ngày... tháng... năm 2015 của Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại;

Xét đề nghị của.....(4),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch...(2)... gồm các Ông (*Bà*) có tên dưới đây (ghi rõ họ tên, cơ quan công tác, chức vụ, chức danh trong Hội đồng).

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng.

Điều 3. Kinh phí hoạt động.

Điều 4. Hội đồng thẩm định quy hoạch...(2)... làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định...../.

Nơi nhận: - Như trên (Điều 3); -.....; - Lưu:	**.....(3).....** *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú:
(1) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch.
(2) Tên dự án quy hoạch.
(3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu của (1)
(4) Đơn vị tổ chức thẩm định quy hoạch.

Phụ lục 3

CHƯƠNG TRÌNH HỌP THẨM ĐỊNH DỰ ÁN QUY HOẠCH

(Kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Cuộc họp thẩm định dự án quy hoạch được tiến hành theo các bước chủ yếu như sau:

1. Đơn vị tổ chức thẩm định quy hoạch nêu lý do cuộc họp.

2. Thư ký Hội đồng thẩm định thay mặt Hội đồng đọc Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, giới thiệu thành phần tham dự.

3. Chủ tịch Hội đồng thẩm định (hoặc Phó chủ tịch Hội đồng nếu được ủy quyền) thẩm định phát biểu chủ trì Hội nghị.

4. Đại diện tổ chức tư vấn trình bày tóm tắt nội dung dự án quy hoạch.

5. Đại điện đơn vị tổ chức thẩm định, đọc báo cáo thẩm tra về hồ sơ dự án quy hoạch.

6. Các ủy viên phản biện trình bày bản nhận xét, đánh giá về dự án quy hoạch.

7. Các ủy viên Hội đồng thẩm định và các đại biểu tham dự phiên họp đóng góp ý kiến về nội dung quy hoạch.

8. Ủy viên thư ý của Hội đồng đọc bản nhận xét của các ủy viên vắng mặt; Báo cáo kết quả thẩm định Đánh giá Môi trường Chiến lược (ĐMC) (nếu có); Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan và ý kiến tham luận tại các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến thẩm định (nếu có).

9. Đại diện tổ chức tư vấn có ý kiến giải trình.

10. Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đánh giá dự án quy hoạch (Ủy viên thư ký Hội đồng thẩm định phát Phiếu đánh giá dự án quy hoạch theo mẫu tại Phụ lục 4 với số lượng phiếu bằng số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự họp thẩm định).

11. Hội đồng thông qua các văn bản:

a) Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án quy hoạch của Hội đồng thẩm định;

b) Kết luận của Hội đồng thẩm định.

12. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc phiên họp.

Phụ lục 4

MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN QUY HOẠCH

(Kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN QUY HOẠCH...(2)...	*....., ngày... tháng... năm 20...*

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Của thành viên Hội đồng thẩm định Dự án quy hoạch...(2)...

Họ và tên người đánh giá:

Chức vụ:

Chức danh trong Hội đồng:..... (theo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch.....(2)... số..... ngày.... tháng..... năm.... của.....(1).....

Ý KIẾN BIỂU QUYẾT ĐÁNH GIÁ

1. Nhất trí thông qua dự án quy hoạch không cần chỉnh sửa bổ sung: □

2. Thông qua dự án quy hoạch với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: □

Các yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung:.....

3. Không thông qua dự án quy hoạch: □

Lý do không thông qua:.....

4. Kiến nghị đối với các cơ quan có liên quan, đơn vị tư vấn lập quy hoạch, đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch và Người phê duyệt quy hoạch (nếu có):

.....

NGƯỜI BIỂU QUYẾT ĐÁNH GIÁ

(*Ký và ghi rõ họ tên*)

Ghi chú:

(1) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch.

(2) Tên dự án quy hoạch.

Phụ lục 5

NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO THẨM ĐỊNH DỰ ÁN QUY HOẠCH

(Kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BCT
ngày 28 tháng12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Báo cáo thẩm định dự án quy hoạch bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

Phần chung: Giới thiệu tóm tắt về căn cứ thẩm định quy hoạch và quá trình triển khai công tác thẩm định.

I. Tính pháp lý của hồ sơ quy hoạch

1. Nhận xét về hồ sơ trình thẩm định quy hoạch.

2. Tính pháp lý của hồ sơ quy hoạch.

II. Tóm tắt ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị có liên quan

III. Tóm tắt nội dung của quy hoạch

IV. Nhận xét, đánh giá của Hội đồng thẩm định

1. Về cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học, độ tin cậy của các số liệu sử dụng để lập quy hoạch.

2. Sự phù hợp của quy hoạch với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước, các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các cấp và quy hoạch phát triển các ngành và lĩnh vực có liên quan.

3. Về các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của quy hoạch.

4. Tính thống nhất của quy hoạch với các quy hoạch khác liên quan.

5. Về các giải pháp thực hiện quy hoạch.

6. Về các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư.

V. Các kiến nghị, đề xuất.

Phụ lục 6
MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH
(Áp dụng cho dự án quy hoạch mới và dự án quy hoạch điều chỉnh toàn diện)
(Kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BCT
ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ Hoặc.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quy hoạch...(2)...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ hoặc....(3).....

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ *(đối với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ)*;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của...(1)... *(đối với Quyết định của Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)*;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của....(4),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch (quy hoạch điều chỉnh)....(2) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

b) Mục tiêu cụ thể

3. Nội dung quy hoạch

4. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. (Trường hợp quy hoạch điều chỉnh: và thay thế Quyết định số....).

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:
- ;
- .....;
- Lưu:

THỦ TƯỚNG hoặc...(3)...
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC
Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư
(Ban hành kèm theo Quyết định số
ngày tháng năm.... của Thủ tướng Chính phủ hoặc của....(3)....)

Ghi chú:
(1) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch.
(2) Tên quy hoạch.
(3) Người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.
(4) Tên cơ quan trình phê duyệt quy hoạch.

Phụ lục 7

MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

(Kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ hoặc..... (1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*(2)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch...(3)...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ hoặc....(4).....

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ *(đối với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ)*;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của...(1)... *(đối với Quyết định của Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)*;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của...(5)...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch...(3)... với các nội dung sau:

.....

Điều 2.

Quyết định này là bộ phận không tách rời của Quyết định số...(6)... ngày... tháng... năm... và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định...../.

Nơi nhận: - Như trên (Điều 4); - .....; - Lưu:	...(1)... (*Ký tên, đóng dấu*)

Ghi chú:

1. Cơ quan của Người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.
2. Năm phê duyệt quy hoạch.
3. Tên quy hoạch.
4. Người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.
5. Tên cơ quan trình phê duyệt quy hoạch.
6. Số quyết định; ngày, tháng, năm phê duyệt quy hoạch (3).

Phụ lục 8
MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH (hoặc BỔ SUNG) DỰ ÁN VÀO QUY HOẠCH
(Kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ hoặc..... (1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh (hoặc bổ sung) quy hoạch...(2)...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ hoặc....(3).....

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ *(đối với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ)*;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của...(1)... *(đối với Quyết định của Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)*;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của...(4)...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh (hoặc bổ sung) dự án (5) vào quy hoạch...(2)... với các nội dung cụ thể sau:

.....

Điều 2.

Quyết định này là bộ phận không tách rời của Quyết định số...(6)... ngày... tháng... năm... và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định...../.

Nơi nhận: - Như trên (Điều 4); - .....; - Lưu:	...(1)... (*Ký tên, đóng dấu*)

Ghi chú:

1. Cơ quan của Người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.
2. Tên quy hoạch.
3. Người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.
4. Tên cơ quan trình phê duyệt quy hoạch.
5. Tên dự án đề nghị điều chỉnh (hoặc bổ sung).
6. Số quyết định; ngày, tháng, năm phê duyệt quy hoạch (3).